

单元一 我 爱 我 的 学 校

(一) 选 一 选，填 一 填

cǎo chǎng 草 场	xué xiào 学 校	lán qiú chǎng 篮 球 场
kè shì 课 室	yǔ máo qiú chǎng 羽 毛 球 场	shí táng 食 堂

